TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CH S** **TỈNH G L** Số: 10/2019/QĐST- DS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ch S, ngày 08 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Nguyên đơn đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 90/2017/TLST - DS ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Duy H, sinh năm 1971 và bà Trương Thị L, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: 44 Kp Kl, tổ dân phố 7, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1962.

Địa chỉ: tổ dân phố 12, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

(Theo giấy ủy quyền ngày 26/7/2017 của ông Lê Duy H và bà Trương Thị L)

- Bị đơn: Ông Lê Văn C và bà Phạm Thị X

Cùng địa chỉ: tổ dân phố 7, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Hoàn trả lại 5.300.000 đồng *(năm triệu ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Duy H và bà Trương Thị L theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001594 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

- Các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).